

Quan điểm về trật tự khu vực Đông Á trong chính sách đối ngoại Việt Nam: Trường hợp nhà Lý và hàm ý chính sách cho Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 01/10/2025 | Ngày phản biện: 02/10/2025 | Ngày xuất bản: 07/11/2025

Tác giả: Nguyễn Văn Trí (Sinh viên năm 4 – Học viện Ngoại giao)

Tóm tắt: Bài viết phân tích quan điểm của Việt Nam về trật tự khu vực Đông Á trong chính sách đối ngoại, tập trung vào trường hợp triều đại nhà Lý (1009 - 1225) và rút ra những hàm ý chính sách cho Việt Nam hiện nay. Đồng thời, bài viết trình bày cơ sở lý luận về hệ thống triều cống - mô hình trật tự lấy Trung Quốc làm trung tâm, nhằm lý giải mối quan hệ Đại Việt - Trung Hoa thời Lý. Nghiên cứu cho thấy, nhà Lý đã vận dụng chiến lược “dĩ nhu chế cương”, duy trì quan hệ triều cống để giữ gìn hòa bình nhưng vẫn kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trong trật tự khu vực Đông Á do Trung Quốc đứng đầu. Từ tư duy đối ngoại thời Lý, bài viết chỉ ra sự kế thừa trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt trong quan hệ với các nước lớn, ưu tiên hòa bình, hợp tác và bảo vệ lợi ích quốc gia. Từ đó cho thấy sự khác biệt trong quan điểm về trật tự khu vực của Việt Nam xưa và nay; vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục phát huy tinh thần ngoại giao linh hoạt thời Lý, đồng thời thích ứng với bối cảnh quyền lực khu vực đang thay đổi, chủ động tham gia các cơ chế đa phương, đề cao trật tự dựa trên luật pháp quốc tế và tăng cường vai trò trong việc định hình luật lệ chung.

Đặt vấn đề

Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam gắn liền với trật tự khu vực Đông Á, nơi Trung Quốc trong nhiều thế kỷ giữ vai trò trung tâm. Việc hiểu rõ quan niệm về trật tự khu vực này là cần thiết để lý giải cách Việt Nam ứng xử với các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc, trong quá khứ và hiện nay. Nghiên cứu trường hợp nhà Lý (1009 - 1225) cung cấp góc nhìn điển hình về cách một quốc gia nhỏ bé dung hòa giữa chủ quyền dân tộc với trật tự khu vực do Trung Quốc thiết lập.

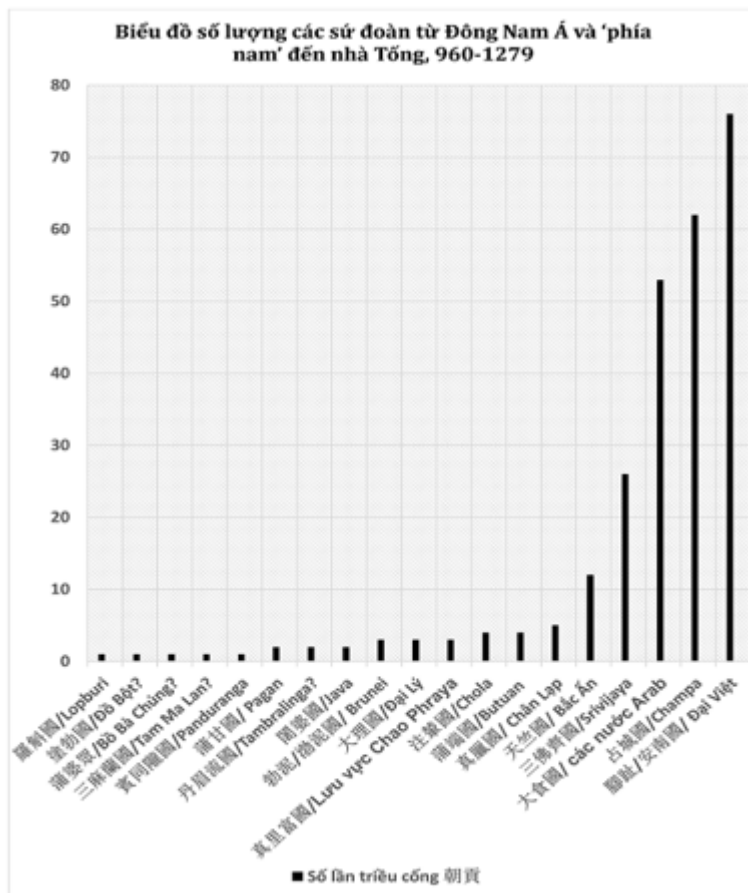
Trong giai đoạn nhà Lý, mối quan hệ Đại Việt - Trung Quốc diễn ra trong mối quan hệ triều cống. Nhà Lý vừa duy trì việc triều cống để gìn giữ hòa bình, vừa kiên quyết bảo vệ độc lập, thể hiện qua chính sách ngoại giao mềm dẻo kết hợp cứng rắn “Dĩ nhu chế cương” lấy sự mềm dẻo để dung hòa lợi ích với nước lớn. Ngày nay, bối cảnh khu vực và quốc tế đã thay đổi, đề cao chủ quyền bình đẳng giữa các quốc gia. Tuy nhiên, vị trí địa chính trị của Việt Nam ngay bên cạnh một Trung Quốc lớn mạnh vẫn đặt ra những bài toán về cân bằng quan hệ và duy trì trật tự khu vực ổn định. Bài viết này nhằm trả lời các câu hỏi trên thông qua việc phân tích cơ sở lý luận của hệ thống triều cống và quan niệm trật tự khu vực Đông Á, nghiên cứu trường hợp quan hệ Đại Việt-Trung Quốc thời nhà Lý, và rút ra những điểm kế thừa cũng như khác biệt trong cách tiếp cận trật tự khu vực của Việt Nam hiện nay.

Về hệ thống triều cống Trung Quốc và trật tự khu vực Đông Á

Hệ thống triều cống là mô hình truyền thống mà qua đó, Trung Quốc cổ đại tiến hành quan hệ đối ngoại với các nước lân bang, từ thời nhà Hán (206 TCN - 220 SCN) cho đến hết thời nhà Thanh (1644 - 1911) tức kéo dài hơn hai nghìn năm⁽¹⁾. Hệ thống này phản ánh quan niệm “thiên hạ” của Trung Quốc, theo đó Hoàng đế Trung Quốc tự coi mình là trung tâm văn minh và có “Thiên mệnh” cai trị toàn thiên hạ⁽²⁾. Tư tưởng Nho giáo và thế giới quan Trung Quốc cổ đại tự nhận Trung Quốc là nước “ở giữa” (chữ “Trung Quốc” nghĩa là “quốc gia trung tâm”), còn các nước xung quanh là chư hầu, phiên thuộc. Những nước muốn bang giao hoặc buôn bán với Trung Quốc buộc phải cử sứ thần sang triều cống phẩm vật và vào chầu bái Hoàng đế như những “thần tử”, chính thức thừa nhận Hoàng đế Trung Quốc là “Thiên tử” là chúa tể của thiên hạ⁽³⁾. Đổi lại, thiên triều sẽ phong vương, ban sắc phong tước hiệu, ban tặng vật phẩm và bảo hộ cho các nước phiên thuộc, đồng thời công nhận vị thế hợp pháp của vua các nước đó (như một “vua chư hầu” dưới quyền Thiên tử)⁽⁴⁾.

Về bản chất, hệ thống triều cống xác lập một trật tự khu vực Đông Á có tính tôn ti, thứ bậc với Trung Quốc ở đỉnh hệ thống. Học giả Yongjin Zhang nhận định hệ thống triều cống chính là cơ sở nền tảng của trật tự Đông Á. Trật tự này bao gồm: “tư tưởng Thiên mệnh, Thiên tử và các tập tục lễ nghi được thiết lập trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước xung quanh. Trong trật tự Đông Á truyền thống này, Trung Quốc không

chỉ là trung tâm chính trị mà còn được xem là trung tâm văn minh về văn hóa và lễ nghi. Nhiều quốc gia như Triều Tiên, Việt Nam, Nhật Bản, Lưu Cầu, Xiêm, Chân Lạp... từng tham gia hệ thống triều cống, chấp nhận vị thế thấp hơn Trung Quốc về nghi lễ và danh nghĩa nhằm đổi lấy hòa bình và quan hệ bang giao ổn định với thiên triều⁽⁵⁾. Nghi thức triều cống như quỳ lạy, dâng sản vật địa phương,... thể hiện cho sự phục tùng, nhưng đồng thời cũng giúp duy trì một quan hệ giữa Trung Quốc và các láng giềng. Dưới đây là biểu đồ thể hiện số lần các quốc gia phiên thuộc đi sứ cống nộp sản vật cho Trung Quốc:



Biểu đồ số lượng các sứ đoàn từ Đông Nam Á và "phía nam" đến nhà Tống 960-1279⁽⁶⁾

Đối với Việt Nam (Đại Việt), việc tham gia hệ thống triều cống là một thực tế lịch sử lâu dài. Ngay từ thời kỳ Bắc thuộc và đặc biệt sau khi giành độc lập (thế kỷ X), Việt Nam đã thiết lập quan hệ triều cống đều đặn với các triều đại Trung Quốc và Việt Nam là một trong những nước ở Đông Nam Á thiết quan hệ triều cống với Trung Quốc từ sớm⁽⁷⁾. Tuy nhiên, người Việt luôn nhận thức được sự khác biệt về chính trị và văn hóa với "thiên triều" nên luôn giữ bản sắc riêng và ý chí độc lập tự chủ của mình. Hệ thống

triều cống được tiếp cận như một biện pháp ngoại giao nhằm tránh xung đột với một quốc gia láng giềng lớn mạnh hơn là Trung Quốc và không đồng nghĩa với đánh mất chủ quyền. Trong sử sách Việt Nam, các vị vua thường xuyên khẳng định Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền, dù trên danh nghĩa ngoại giao vẫn xưng thần với Hoàng đế Trung Quốc nhưng thực tế đối nội vẫn theo phương châm “trong xưng đế, ngoài xưng vương”⁽⁸⁾ đối ngoại là phiên thuộc, đối nội là hoàng đế độc lập.

Có thể thấy, hệ thống triều cống mang lại một cấu trúc khu vực tương đối ổn định do các bên đều tuân thủ nghi thức, thiên triều ban “ân” và chư hầu tỏ lòng thần phục nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ xung đột nếu trật tự này bị thách thức nếu như nước chư hầu không tuân thủ luật lệ thách thức “địa vị thiên triều” của Trung Quốc. Do đó, triều cống thường đi kèm điều kiện sau: chư hầu phải biết tuân thủ lễ nghi, không “phản nghịch”, thì thiên triều mới bảo hộ và không can thiệp quân sự. Trật tự Đông Á truyền thống dựa trên quyền lực bất đối xứng: mối quan hệ giữa thiên triều và phiên thuộc phụ thuộc nhiều vào ý chí của Thiên tử. Tuy nhiên, cũng chính sự vận hành liên tục của mô hình này qua hàng ngàn năm đã góp phần định hình chính sách ngoại giao của Việt Nam. Các triều đại Việt Nam nhận thức rằng việc tuân thủ hệ thống triều cống là điều kiện để tồn tại trong trật tự của thiên triều do Trung Quốc dẫn dắt mà vẫn duy trì được chủ quyền quốc gia của mình.

Hệ thống triều cống Trung Quốc đã tạo nên trật tự khu vực Đông Á có thứ bậc với Trung Quốc giữ vai trò trung tâm trong hệ thống. Quan hệ thiên triều chư hầu này làm cho Việt Nam thời phong kiến phải định hình chính sách đối ngoại của mình sao cho phù hợp. Để hiểu rõ tư duy đối ngoại Việt Nam, cần đặt nó trong khuôn khổ trật tự khu vực Đông Á và trường hợp triều Lý (1009 - 1225) là minh chứng phù hợp cho cách Đại Việt tham gia vào hệ thống triều cống, vừa tuân thủ nghi lễ khu vực, vừa bảo vệ lợi ích dân tộc.

Chính sách đối ngoại của Đại Việt - Trung Quốc thời Lý: Thần phục danh nghĩa, độc lập thực tế

Triều đại nhà Lý thành lập năm 1009, quốc hiệu ban đầu Đại Cồ Việt, từ 1054 đổi thành Đại Việt, mở ra một thời kỳ tương đối ổn định và thịnh trị trong lịch sử Việt Nam. Về đối ngoại, ngay từ đầu nhà Lý đã xác định phương châm hòa hiếu với nhà Tống

nhằm củng cố và duy trì nền độc lập mới giành được chưa lâu (từ các thời Ngô, Đinh, Tiền Lê ở thế kỷ X). Chính sách đối ngoại của nhà Lý tiếp nối truyền thống từ thời Đinh và Tiền Lê là triều cống định kỳ cho Trung Quốc để được sắc phong để tránh chiến tranh. Tuy nhiên, nhà Lý sẵn sàng sử dụng vũ lực khi chủ quyền bị xâm phạm, sau đó dàn xếp để thiết lập bang giao trở lại. Ngay sau khi lên ngôi, Lý Công Uẩn đã cử sứ bộ sang nhà Tống để cầu phong, mở đầu thông lệ triều cống của nhà Lý với nhà Tống. Năm 1016, nhà Tống chính thức phong cho Lý Công Uẩn tước hiệu “Nam Bình Vương” (nghĩa là “vua đất Nam đã được bình định”) cùng chức Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân cai quản vùng Giao Chi⁽⁹⁾. Đây là lần đầu tiên một hoàng đế (vua) Việt Nam được phong tước “vương” thay vì chỉ là chức “Tiết độ sứ” như các đời trước thể hiện một thắng lợi ngoại giao quan trọng, khẳng định nhà Tống thừa nhận tính chính thống của triều Lý trong việc cai trị một quốc gia độc lập. Việc một thủ lĩnh người Việt được phong vương như vậy là chưa từng có tiền lệ trước đó trong lịch sử Trung Quốc lần đầu người đứng đầu một xứ từng thuộc Trung Quốc được gọi là “vương”⁽¹⁰⁾.

Và sau đó, nhà Lý đều đặn cử các đoàn sứ thần sang kinh đô nhà Tống dâng cống phẩm như vàng, ngà voi, sừng tê giác, voi, hương liệu... nhằm thiết lập bang giao hòa bình⁽¹¹⁾. Theo ghi chép, cứ 3 năm một lần, Đại Việt gửi đoàn cống sang triều đình Tống, đồng thời báo cáo một số tình hình nội trị để tỏ lòng thần phục⁽¹²⁾. Và thiên triều Tống sẽ bảo hộ Đại Việt và công nhận tính chính danh của vua Đại Việt là “Giao Chi Quận vương” nâng cao địa vị lên so với các triều đại trước (trước kia các vua Đinh chỉ được coi là Tiết độ sứ). Mối quan hệ hai bên có qua có lại ngoài việc Đại Việt triều cống, nhà Tống đôi khi cũng ban thưởng rất hậu. Đáng chú ý, năm 1028 khi Lý Thái Tổ băng hà, Tống Nhân Tông đã cử sứ thần (Vương Vĩ) sang tận Thăng Long viếng tang và truy phong thụy hiệu cho Lý Thái Tổ là “Thuận Vũ Hoàng Đế” lần đầu tiên trong lịch sử có một sứ đoàn Trung Quốc đến tế lễ một vị vua Việt Nam mới qua đời, thể hiện sự tôn trọng hiếm thấy mà Thiên triều với một quốc gia chư hầu.

Năm	Đồ cống nạp	Nguồn
1046	10 con voi	Songshi,(History of the Song Dynasty), Vol. 3: Shenzong Shilu (Emperor Song Renzong). []
1055	10 con voi	Song Hui Yau(Collections of Important Documents of Song Dynasty), Vol. 4: Fanyi Si. (Foreign Countries)
1058	một cặp hươu cao cổ	Ibid

1063	9 con voi	Songshi (History of the Song Dynasty), Vol. 4 (Emperor Song Renzong). []
1081	56 đứa trẻ làm người hầu	Zizhi Tongjian Changbian Jishi Benmo (Com Mirror for Aid in Government), Vol. 315. []

Cống phẩm của Việt Nam gửi Trung Quốc thời Bắc Tống⁽¹³⁾

Năm 1055, dưới thời Lý Thánh Tông (1054 - 1072), chính Hoàng đế Tống Nhân Tông còn chủ động gửi cống phẩm sang Đại Việt, gồm lụa là, rượu và nhiều sản vật quý giá trị còn lớn hơn cả những cống phẩm Đại Việt gửi sang nhà Tống. Việc thiên triều tự nguyện “cống ngược” này cho thấy nhà Tống đã thay đổi thái độ, nhìn nhận Đại Việt như một nước phiên thuộc quan trọng cần giữ bang giao tốt. Cũng trong năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt và thông báo với nhà Tống, được Tống triều chấp thuận. Những động thái trên đánh dấu một giai đoạn hữu hảo cao độ trong quan hệ Tống - Việt: hai bên tỏ ra tôn trọng lẫn nhau hơn trước, địa vị của Đại Việt dần được nâng cao trong mắt thiên triều nhà Tống.

Tuy nhiên, nhà Lý luôn cảnh giác trước tham vọng bành trướng của nhà Tống khi nhận thấy chủ quyền đất nước bị đe dọa, nhà Lý sẵn sàng ra tay trước để tự vệ. Sự kiện lịch sử tiêu biểu là cuộc chiến Tống - Việt lần thứ hai (1075 -1077). Đầu năm 1076, Tống Thần Tông vẫn quyết định phản công với lực lượng lớn do Quách Quỳ chỉ huy, có sự phối hợp của quân Chiêm Thành sau đó quân Tống tràn vào biên giới Đại Việt, nhưng bị chặn đứng tại phòng tuyến sông Như Nguyệt kiên cố do Lý Thường Kiệt chỉ huy. Chính tại đây, bài thơ thần “Nam quốc sơn hà” đã vang lên khích lệ sĩ khí quân dân nhà Lý, rằng:

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư;
Như hà Bắc lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”⁽¹⁴⁾.

Bài thơ đầy khí phách này như một lời tuyên bố khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Đại Việt do vua Nam cai quản và bất khả xâm phạm, khiến quân dân nhà Lý quyết tâm đánh giặc, giết hàng vạn địch bảo vệ chủ quyền. Đến giữa năm 1077, hai bên vào thế giằng co bế tắc nên chấp nhận giảng hòa, nhà Tống từ bỏ ý định chinh phạt và rút quân, còn Đại Việt tiếp tục triều cống nhà Tống như cũ. Kết quả này cho thấy, độc lập

tự chủ của Đại Việt được bảo toàn và quan hệ triều cống được khôi phục để giữ hòa bình lâu dài.

Sau chiến tranh 1075 - 1077, nhà Tống càng kiêng nể triều Lý hơn trước. Triều đình Tống hiểu rằng dùng vũ lực để thôn tính Đại Việt là không khả thi, nên chuyển sang chú trọng phương pháp bang giao mềm dẻo. Năm 1084, hai bên đàm phán phân định lại biên giới; thông qua ngoại giao, nhà Lý đã lấy lại được một số vùng đất bị quân Tống chiếm trong cuộc chiến trước đó và Tống triều vẫn duy trì đều đặn lễ phong vương và nhận cống như trước⁽¹⁵⁾.

Đặc biệt, bước sang thế kỷ XII, vị thế ngoại giao của Đại Việt được nâng tầm lên một cách rõ rệt nếu trước kia vua Đại Việt bị gọi là "Giao Chỉ quận vương" ý chỉ như một quận thuộc quyền thiên triều thì từ năm 1164, Tống Hiếu Tông đổi gọi vua Lý Anh Tông là "An Nam Quốc vương" (vua nước An Nam) thừa nhận Đại Việt là một quốc gia phiên thuộc chứ không còn bị coi chỉ là một quận như trước đây là một sự nâng cấp địa vị ngoại giao rất quan trọng⁽¹⁶⁾. Từ đó, sử sách Trung Quốc gọi nước ta là An Nam thay cho Giao Chỉ. Như vậy, đến cuối thời Lý, quan hệ bang giao với nhà Tống ở trạng thái ổn định cao, thiên triều tôn trọng vương quyền Đại Việt hơn trước, còn Đại Việt thì tiếp tục duy trì triều cống như một nghi thức ngoại giao cố định.

Tư duy đối ngoại của nhà Lý trong cách tiếp cận trật tự Đông Á do Trung Quốc dẫn dắt

Từ diễn biến quan hệ ngoại giao của nhà Lý và nhà Tống, có thể thấy, những nét chính trong tư duy đối ngoại của nhà Lý trong cách tiếp cận trật tự khu vực Đông Á:

Thứ nhất, ưu tiên hòa hiếu, ổn định. Nhà Lý rất coi trọng việc tránh chiến tranh với Trung Quốc, hiểu rằng đối đầu trực diện với một quốc gia lớn hơn sẽ đe dọa đến sự tồn vong đất nước. Do đó, triều Lý chấp nhận lệ "triều cống cầu phong" như một chiến lược hòa bình chủ động. Việc đều đặn triều cống ba năm một lần không chỉ để tuân thủ nghi lễ khu vực, mà còn là cách xoa dịu thiên triều, giữ cho biên giới phía Bắc yên ổn để tập trung phát triển quốc gia. Có thể thấy tư duy "dĩ hòa vi quý" này xuyên suốt các triều đại phong kiến Việt Nam, nhưng ở nhà Lý nó đặc biệt rõ nét do triều Lý ở vào buổi đầu thời kỳ tự chủ, cần củng cố vị thế.

Thứ hai, mềm mỏng về hình thức, cứng rắn về chủ quyền. Nhà Lý phân biệt rạch ròi giữa nghi lễ ngoại giao và thực quyền độc lập. Về đối ngoại, vua Lý vẫn xưng thần, nhận sắc phong, coi Hoàng đế Tống là thiên tử để làm đẹp lòng Trung Quốc về mặt hình thức ngoại giao. Nhưng trên thực tế các vua Lý vẫn tự xưng Hoàng đế, xây dựng triều chính hoàn toàn độc lập theo mô hình riêng. Triều Lý cũng chủ động tiếp thu ảnh hưởng văn hóa, thể chế Trung Quốc (ví dụ: năm 1075 mở khoa thi Nho học đầu tiên, lập Văn Miếu thờ Khổng Tử, tổ chức bộ máy hành chính dựa trên kiểu mẫu Trung Quốc)⁽¹⁷⁾ nhằm “sánh ngang văn minh” với thiên triều, qua đó khẳng định chủ quyền nội trị. Tư tưởng “văn hiến chi bang” được đề cao Đại Việt là một nước có văn hiến không kém gì Trung Quốc, vì vậy xứng đáng được tôn trọng.

Thứ ba, linh hoạt và tức thời trong ngoại giao. Nhà Lý rất linh hoạt trong bang giao. Khi ở thế yếu, nhà Lý mềm dẻo xuống thang, nhanh chóng cử sứ sang xin giảng hòa, dâng cống để khôi phục bang giao để giữ chủ quyền. Khi có thời cơ thuận nhà Lý cũng tranh thủ thương lượng để đòi lại lợi ích (ví dụ đã đòi lại phần đất sau hòa bình 1077). Sau chiến thắng năm 1077, thay vì tỏ ra kiêu ngạo, vua Lý Nhân Tông vẫn khiêm nhường xin phong và tiếp tục cống nạp, khiến Tống Thần Tông “hạ hỏa” giữ được bang giao với nhà Tống. Chính sách “công lễ phục hòa” dùng lễ phép để lập lại hòa bình thể hiện sự khôn khéo trong tư duy ngoại giao của nhà Lý⁽¹⁸⁾.

Thứ tư, coi trọng quan hệ với các quốc gia láng giềng. Mặc dù tập trung vào quan hệ với Trung Quốc, nhà Lý không quên xây dựng quan hệ hữu hảo với các láng giềng khác. Triều Lý kết thông gia với các tù trưởng miền núi phía Bắc để bảo vệ biên cương (điển hình như gả Công chúa cho tù trưởng người Tày là Thân Cảnh Phúc)⁽¹⁹⁾. Ở phía Nam, sau những cuộc xung đột với Chiêm Thành, nhà Lý cũng thiết lập bang giao và chấp nhận chung sống hòa bình với Chiêm Thành. Điều này cho thấy tư duy ngoại giao đa phương sơ khai không để bị lệ thuộc hoàn toàn vào một quan hệ với thiên triều, mà tạo thế cân bằng trong một khu vực rộng lớn hơn bằng cách giữ bang giao với các quốc gia khác.

Chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay kế thừa trong cách tiếp cận trật tự khu vực của nhà Lý

Việt Nam hiện nay là một quốc gia độc lập và có chủ quyền, được cộng đồng quốc tế công nhận, nhưng vẫn đang đứng trước bài toán lớn trong việc duy trì quan hệ với các nước trong khu vực Đông Á. Đặc biệt là với Trung Quốc, một cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ và láng giềng của mình, điều này đặt ra nhiều thách thức trong cách chính sách đối ngoại cho Việt Nam. Mặc dù hệ thống triều cống kiểu thiên triều đã chấm dứt từ cuối thế kỷ XIX do tác động của chủ nghĩa thực dân và sự xuất hiện các trật tự khác như: Westphalia, Đơn cực, lưỡng cực,... nhưng nhiều yếu tố tư duy ngoại giao của nhà Lý vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại như:

Khôn khéo cân bằng quan hệ với các nước lớn trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung gay gắt ở khu vực, Việt Nam chủ trương không chọn phe, tránh liên minh quân sự và không cho nước ngoài đặt căn cứ trên lãnh thổ (chính sách “bốn không”) tương tự tư duy thời Lý là không nghiêng về một nước nào để chống nước còn lại, nhằm tránh bị cuốn vào xung đột lợi ích không đáng có. Hiện nay, Việt Nam vừa tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ... vừa duy trì quan hệ “đối tác chiến lược toàn diện” với Trung Quốc, nhằm tạo thế cân bằng đối ngoại. Cách tiếp cận “đa phương hóa, đa dạng hóa” quan hệ có thể coi là phiên bản hiện đại của việc nhà Lý bang giao với cả Tống lẫn các láng giềng khác để không bị lệ thuộc vào một mối quan hệ duy nhất. Việt Nam luôn giữ sự thận trọng cao độ trong các tuyên bố công khai, dù ủng hộ một trật tự khu vực dựa trên luật lệ quốc tế.

Ưu tiên môi trường hòa bình, ổn định để phát triển, “Vừa hợp tác, vừa đấu tranh” trong quan hệ với Trung Quốc. Cũng như thời nhà Lý, Việt Nam coi trọng việc tránh xung đột quân sự và duy trì hòa bình khu vực. Nên chính sách đối ngoại Việt Nam kiên định đường lối giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực. Việt Nam luôn nhấn mạnh mong muốn hữu nghị, hợp tác với Trung Quốc, bất chấp tồn tại các bất đồng (ví dụ tranh chấp trên Biển Đông). Tinh thần này chính là sự tiếp nối truyền thống “hòa để tiến” từ thời phong kiến. Việt Nam hợp tác với Trung Quốc trên nhiều lĩnh vực (kinh tế, thương mại, giao lưu văn hóa,...) để duy trì hòa bình, điều này tương tự như việc triều Lý triều cống, bang giao hữu nghị với Tống xưa kia.

Đề cao độc lập, tự chủ của dân tộc, tư tưởng “độc lập tự chủ” được quán triệt trong đường lối đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Dù bối cảnh hiện đại không còn quan hệ

chư hầu thiên triều, Việt Nam vẫn luôn nhấn mạnh không để bị lệ thuộc vào bất cứ nước nào, giữ vững quyền tự quyết các vấn đề nội bộ. Truyền thống “đem đại nghĩa để thắng hung tàn” và tinh thần tự tôn dân tộc từ thời nhà Lý – Trần đến nay vẫn là nguồn cảm hứng cho ngoại giao hiện nay và chỉ khi tự lực, tự cường, không dựa dẫm, thì mới được đối tác tôn trọng cũng như thời Lý, việc chứng tỏ sức mạnh (như chiến thắng năm 1077) đã giúp nâng vị thế Đại Việt trong mắt thiên triều.

Chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay: Sự khác biệt trong cách tiếp cận trật tự khu vực của nhà Lý

Bên cạnh sự kế thừa, chính sách đối ngoại Việt Nam hiện nay cũng có những khác biệt căn bản so với thời kỳ nhà Lý và trật tự triều cống xưa, do bối cảnh khu vực, quốc tế đã đổi thay hoàn toàn.

Trật tự khu vực không còn mang tính thứ bậc “thiên triều chư hầu”: Sau thế kỷ XIX, trật tự thiên triều ở Đông Á đã không còn tồn tại. Ngày nay, ASEAN và cộng đồng quốc tế đều hoạt động theo nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia. Do đó, Việt Nam tiếp cận trật tự khu vực Đông Á hiện nay với tư duy bình đẳng, hợp tác giữa các quốc gia, thay vì chấp nhận vị trí thứ bậc dưới một “thiên triều” nào. Việt Nam không còn đóng vai trò “chư hầu” của bất kỳ cường quốc nào đây là khác biệt cốt lõi. Nếu thời Lý vua Việt phải xưng thần triều cống trước thiên triều Trung Quốc, thì lãnh đạo Việt Nam hiện nay khi gặp lãnh đạo Trung Quốc luôn xưng hô bình đẳng, khẳng định quan hệ “đối tác” chứ không lệ thuộc.

Đề cao trật tự dựa trên luật lệ và thể chế đa phương: Thay vì một trật tự đơn cực lấy một nước lãnh đạo (Trung Quốc) như trước, Việt Nam cùng các nước ASEAN ủng hộ xây dựng một trật tự khu vực đa cực, dựa trên luật pháp quốc tế. Việt Nam hiện nay thúc đẩy việc tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và tiến tới Bộ Quy tắc COC ở Biển Đông, coi đó là khuôn khổ luật lệ cho trật tự khu vực. Việt Nam không đơn độc như thời nhà Lý, mà hiện là thành viên tích cực của các tổ chức khu vực và quốc tế như ASEAN, APEC, Liên Hợp Quốc... Đây là khác biệt lớn so với thời phong kiến chủ yếu là song phương (chư hầu – thiên triều), còn hiện nay là đa phương. Trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng (tháng 1-2021) khẳng định: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ

sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”(20). Điều này một lần nữa thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng của Đảng ta trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại; phản ánh tư duy logic, khoa học về giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam với lợi ích của các quốc gia khác trên thế giới trong tiến trình hội nhập quốc tế; đồng thời khẳng định, lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc Việt Nam là đồng nhất, không phải là những lợi ích vị kỷ. Lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam được xác định trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc nghĩa là đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trước hết và trên hết, luôn nỗ lực đạt được lợi ích quốc gia - dân tộc tới mức cao nhất có thể, lợi ích quốc gia - dân tộc là tiêu chí hàng đầu đánh giá hiệu quả của mọi hoạt động đối ngoại(21).

Sự hiện diện của nhiều cường quốc trong khu vực: Nếu Đông Á thời Lý chủ yếu bị chi phối bởi một cực Trung Quốc, thì nay khu vực có sự can thiệp sâu rộng của Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga... Việt Nam vì vậy có nhiều đối tác hơn là chỉ có “thiên triều”. Chính sách “đa phương hóa, đa dạng hóa” của Việt Nam vừa giữ quan hệ hữu nghị với Trung Quốc, vừa là đối tác với Mỹ, Nhật, Ấn, EU... để tạo thế cân bằng trong quan hệ ngoại giao.

Tâm thế và mục tiêu chiến lược khác nhau: Nếu nhà Lý chủ yếu vì sinh tồn trước một thiên triều bá quyền, thì Việt Nam ngày nay hướng tới mục tiêu phát triển và hội nhập sâu rộng. Trật tự khu vực đối với Việt Nam không chỉ là tránh chiến tranh, mà còn là tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, nâng cao vị thế đất nước. Do đó, Việt Nam tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do, các diễn đàn an ninh khu vực (ARF, ADMM+...), đóng vai trò xây dựng luật chơi chung. Động lực này vượt ra ngoài logic triều cống xưa (vốn chỉ tập trung vào sinh tồn và lễ nghi). Việt Nam còn chủ động đóng góp định hình trật tự, như đi đầu trong việc xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) với Trung Quốc. Điều này cho thấy Việt Nam không chỉ tuân theo trật tự, mà còn góp phần kiến tạo trật tự công bằng hơn phù hợp lợi ích của mình. Đây là sự khác biệt về tầm nhìn: từ thụ động thời Lý (phụ thuộc ý chí thiên triều) sang chủ động thời nay (cùng các nước kiến tạo luật chơi khu vực).

Kết luận

Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã hình thành nên bản sắc đối ngoại riêng của Việt Nam. Thời kỳ nhà Lý (1009 - 1225) phản ánh rõ trật tự khu vực truyền thống dựa trên hệ thống triều cống Trung Hoa, nơi Đại Việt ứng xử khéo léo để vừa duy trì hòa hiếu vừa bảo vệ chủ quyền. Chính sách "dĩ nhu chế cương" của nhà Lý đặt nền móng cho tư duy ngoại giao Việt Nam: mềm dẻo trong sách lược nhưng kiên định về độc lập dân tộc. Ngày nay, trật tự khu vực đã chuyển từ hệ thống thứ bậc sang cấu trúc bình đẳng dựa trên luật pháp quốc tế. Với vị thế là thành viên Liên Hợp Quốc và ASEAN, Việt Nam không còn trong vai trò "chư hầu" mà chủ động tham gia định hình trật tự khu vực trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, bình đẳng và hợp tác phát triển. Dù bối cảnh đã thay đổi, tinh thần "dĩ nhu chế cương" vẫn giữ nguyên giá trị, thể hiện qua chính sách đối ngoại khéo léo, kiên định lợi ích cốt lõi về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ./.

Tài liệu tham khảo

- (1) John King Fairbank (1968), *The Chinese World Order: Traditional China's Foreign Relations*, Harvard University Press, Cambridge, MA, p. 20.
- (2) Phan Đăng (2020), "Trung Quốc thay đổi hệ hình quyền lực và bài toán mới cho các nước Á Đông," Học viện Chính trị Công an nhân dân, 13 tháng 8, 2020, <https://hvctcand.bocongan.gov.vn/llct-xdli-cand/xay-dung-dang/trung-quoc-thay-doi-he-hinh-quyen-luc-va-bai-toan-moi-cho-caac-nuoc-a-dong-1648>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (3) Phan Đăng (2020), "Trung Quốc thay đổi hệ hình quyền lực và bài toán mới cho các nước Á Đông," Học viện Chính trị Công an nhân dân, 13 tháng 8, 2020, <https://hvctcand.bocongan.gov.vn/llct-xdli-cand/xay-dung-dang/trung-quoc-thay-doi-he-hinh-quyen-luc-va-bai-toan-moi-cho-caac-nuoc-a-dong-1648>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (4) Yongjin Zhang and Barry Buzan (2012), "The Tributary System as International Society in Theory and Practice," *The Chinese Journal of International Politics*, Vol. 5, No. 1, Spring 2012, pp. 3-36, <https://doi.org/10.1093/cjip/pos00>.
- (5) Phan Đăng (2020), "Trung Quốc thay đổi hệ hình quyền lực và bài toán mới cho các nước Á Đông," Học viện Chính trị Công an nhân dân, 13 tháng 8, 2020, <https://hvctcand.bocongan.gov.vn/llct-xdli-cand/xay-dung-dang/trung-quoc-thay-doi-he-hinh-quyen-luc-va-bai-toan-moi-cho-caac-nuoc-a-dong-1648>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.

- (6) Vũ Đức Liêm (2019), "Đừng để 'triều cống' đánh lừa: Quan hệ Trung Hoa và Đông Nam Á thời Tống", Tia Sáng, <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/dung-de-trieu-cong-danh-lua-quan-he-trung-hoa-va-dong-nam-a-thoi-tong-16364/>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (7) Nguyen Thi My Hanh (2019), "Application of Center-Periphery Theory to the Study of Vietnam-China Relations in the Middle Ages", Southeast Asian Studies, Vol. 8, No. 1, April 2019, tr. 53-79, DOI:10.20495/seas.8.1_53.
- (8) Phạm Đức Thuận và Lê Thị Minh Thu (2018), Giáo trình lịch sử ngoại giao Việt Nam, Nxb. Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, tr. 24.
- (9), (10), (11) Ku Boon Dar (2019), "The Tributary Relations Between China's Song Dynasty and Vietnam's Dinh, Le and Ly Dynasties: Effects on Their Political Sustainability", SEJARAH: Journal of the Department of History, Vol. 28, No. 1.
- (12) Phan Đăng (2020), "Trung Quốc thay đổi hệ hình quyền lực và bài toán mới cho các nước Á Đông", Học viện Chính trị Công an nhân dân, <https://hvctcand.bocongan.gov.vn/llct-xdll-cand/xay-dung-dang/trung-quocthay-doi-he-hinh-quyen-luc-va-bai-toan-moi-cho-caac-nuoc-a-dong-1648>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (13) Ku Boon Dar (2019), "The Tributary Relations Between China's Song Dynasty and Vietnam's Dinh, Le and Ly Dynasties: Effects on Their Political Sustainability", SEJARAH: Journal of the Department of History, Vol. 28, No. 1.
- (14) Vũ Bình Lục (2022), "Nam quốc sơn hà, bài ca bất hủ", Báo Công An Nhân Dân, <https://cand.com.vn/Ly-luan/nam-quoc-son-ha-bai-ca-bat-hu-i673949/>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (15) Hồ Bạch Thảo (2018), "Cuộc đấu tranh đòi đất đầu tiên trong bang giao Việt - Trung (P4)", Nghiên cứu quốc tế, <https://nghienccuquocte.org/2018/12/29/cuoc-dau-tranh-doi-dat-dau-tien-trong-bang-giao-viet-trung-p4/>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (16) Trần Nam Tiến (2025), "Quan hệ Đại Việt - Trung Hoa nhìn từ vấn đề 'sắc phong, triều cống'", Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, <https://hcmussh.edu.vn/news/item/22584>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (17) Minh Thành (2022), "Ngược dòng lịch sử cùng bia tiến sĩ", Báo Quân đội nhân dân, <https://ct.qdnd.vn/ho-so-tu-lieu/nguoc-dong-lich-su-cung-bia-tien-si-528366>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.
- (18) James A. Anderson. (2008). "Treacherous Factions: Shifting Frontier Alliances in the Breakdown of Sino-Vietnamese Relations on the Eve of the 1075 Border War." Battlefronts Real and Imagined: War, Border, and Identity in the Chinese Middle Period. Palgrave Macmillan, New York. https://doi.org/10.1057/9780230611719_8
- (19) Lịch sử và Địa lý tỉnh Cao Bằng (2023), "Cao Bằng thời phong kiến độc lập: Trong các thế kỷ XI-XIV", Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng, <https://caobang.gov.vn/lich-su/cao-bang-thoi-phong-kien-doc-lap-trong-cac-the-ky-xi-xiv-938601>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.

(20) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.I, tr.161-162.

(21) Nguyễn Hùng (2016), "Lợi ích quốc gia-dân tộc là nguyên tắc tối cao của hoạt động đối ngoại", VOV, <https://vov.vn/chinh-tri/loi-ich-quoc-gia-dan-toc-la-nguyen-tac-toi-cao-cua-hoat-dong-doi-ngoai-543351.vov>, truy cập ngày 1 tháng 10 năm 2025.